

Bản án số: 20/2023/HS-ST
Ngày 14-4-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngoan,
2. Bà Bàn Thị Ba.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký viên của Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Thanh Nga, bà Phạm Thị Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 14/4/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý 11/2023/TLST-HS ngày 30/3/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 15/2023/QĐXXST-HS ngày 03/4/2023, đối với các bị cáo:

1. Trần Văn T, tên gọi khác: Không, sinh ngày 04/7/1991, tại huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi thường trú: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang; Nơi ở hiện tại: Thôn C, xã P, thành phố H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C, sinh năm 1962 và bà Lê Thị H, sinh năm 1959; có vợ là Nguyễn Thị C, sinh năm 1986 (chưa đăng ký kết hôn); có 02 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không; Thẻ CCCD số 002091001028, do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 13/4/2021;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/12/2022 đến ngày 10/3/2023, bị cáo được thay đổi biện pháp ngăn chặn là bảo lãnh; có mặt.

2. Nguyễn Thế L, tên gọi khác: Không, sinh ngày 19/01/1990, tại huyện M, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn Cg, xã P, thành phố H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970 và bà Hoàng Thị L, sinh năm 1969; vợ, con: chưa có; chứng minh nhân dân số

073 183 517, do Công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 26/02/2018; tiền án, tiền sự: Không;

** Nhân thân:*

- Ngày 04/9/2013, bị Công an phường N, thành phố H xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 01009 ngày 04/9/2013 về hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác, xử phạt số tiền là 300.000 đồng (*đã xóa tiền sự*);

- Ngày 09/09/2013, bị Công an phường N, thành phố H xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 01008 ngày 09/9/2013 về hành vi gây rối trật tự công cộng, xử phạt số tiền là 1.500.000 đồng (*đã xóa tiền sự*);

- Ngày 21/5/2019, bị Công an phường N, thành phố H xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 00100 về hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác, xử phạt số tiền 2.500.000 đồng (*thực hiện sau khi thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này tháng 7/2018*);

- Ngày 18/7/2019 Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác. Công an thành phố H xử phạt vi phạm hành chính (*thực hiện sau khi thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này tháng 7/2018*);

- Bản án số 10/2014/HS-ST ngày 08/04/2014 của TAND thành phố H tuyên phạt 5.000.000 đồng về tội Đánh bạc (*đã được xóa án tích*);

- Bản án số 27/2020/HS-ST ngày 11/8/2020 của TAND tỉnh Hà Giang xử phạt 04 năm tù về tội Giết người (*thực hiện sau khi thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này tháng 7/2018*).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/12/2022, hiện đang bị tạm giam tại trại giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt.

3. Vàng Văn V, tên gọi khác: Không, sinh ngày 17/3/1999, tại thành phố H, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Đội 4, thôn T, xã P, thành phố H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vàng Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967; có vợ là Nguyễn Thuý Đ, sinh năm 2000; có 01 con, sinh năm 2018; chứng minh nhân dân số 073 473 470, do Công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 04/12/2013; tiền án, tiền sự: không;

** Nhân thân:*

- Ngày 14/4/2019, có hành vi Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Ngày 28/5/2019, Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 00134, phạt hành chính với số tiền 2.500.000 đồng;

- Ngày 04/9/2020, có hành vi tàng trữ, cất giấu đồ vật, phương tiện nhằm mục đích gây rối trật tự công cộng, cố ý gây thương tích cho người khác. Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 00157 phạt hành chính với số tiền 2.500.000 đồng;

- Ngày 07/6/2021, có hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác. Ngày 01/7/2021 Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 3.500.000 đồng;

- Ngày 11/8/2022, có hành vi Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác. Ngày 31/8/2022, Công an xã P, thành phố H ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 00144, với số tiền 6.500.000 đồng.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/3/2023, hiện đang bị tạm giam tại trại giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1996; địa chỉ: Đội 4, thôn T, xã P, thành phố H, tỉnh Hà Giang; có mặt.

2. Long Văn T, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

3. Mai Thị H, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ 01, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

4. Nguyễn Thị S, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn T, xã P, thành phố H, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

5. Nguyễn Thu T, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 12, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

6. Nguyễn Thị N, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn C, xã P, thành phố H, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

7. Đỗ Mạnh N, sinh năm 1981; địa chỉ: thôn T, xã N, thành phố H, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

8. Trần Quang T, sinh năm 1985; địa chỉ: Đội 8, xã B, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

9. Trần Đức H, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn C, xã Việt L, huyện V, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

10. Nguyễn Văn L, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn T, xã P, thành phố H, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

11. Vi Văn T, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện V, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

12. Sầm Anh D, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang; có mặt.

13. Hoàng Văn T, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

14. Bùi Thị U, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 2, thôn C, xã P, thành phố H, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

15. Lý Thị Thu H, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn B, xã N, thành phố H, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

16. Phan Văn T, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ 6, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang; có mặt.

17. Hoàng Văn L, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 02, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

18. Hoàng Thị K, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ 16, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

19. Hoàng Thị V, sinh năm 1996; địa chỉ: Số 104, tổ 5, phường T, thị trấn X, huyện C, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7/2018, Nguyễn Thế L và Trần Văn T, đăng ký hoạt động kinh doanh dịch vụ cầm đồ (*tên cơ sở kinh doanh: Cầm đồ 66 P*) có địa chỉ tại xã P, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Trong thời gian hoạt động dịch vụ cầm đồ, do thấy có nhiều người dân tại địa bàn xã P, thành phố H, tỉnh Hà Giang có nhu cầu vay tiền nên Nguyễn Thế L và Trần Văn T bàn bạc, thống nhất mỗi người góp tiền vốn là 150.000.000 đồng để cho vay tiền với lãi suất cao và thỏa thuận lãi thu được sẽ chia đôi. Quá trình hoạt động cho vay tiền Nguyễn Thế L và Trần Văn T thuê Vàng Văn V giúp dọn dẹp quán, gọi điện cho người vay để nhắc nợ và đến gặp người vay để lấy tiền lãi hàng tháng khi đến hạn, hàng tháng V được L và T trả cho khoảng 3.000.000 đồng tiền lương.

Quá trình thực hiện hành vi phạm tội, L và T sử dụng phần mềm quản lý cầm đồ có tên "Mecash" thông qua địa chỉ Website: <http://ag.mecash.vn> trên điện thoại di động có kết nối mạng internet để quản lý theo dõi tiền vay, tiền lãi và tổng hợp doanh thu. Cụ thể, Trần Văn T tạo tài khoản Mecash có tên "Cachep6868", tài khoản được chia thành 02 cửa hàng cấp 2 là "Cầm đồ 66 P" và "Cầm đồ 66 P", hai tài khoản này L và T cùng nhau quản lý chung. Khi có khách hàng vay tiền thì L và T sẽ đứng ra làm thủ tục cho khách vay tiền, nếu L và T đi vắng thì Vàng Văn V sẽ đứng tên cho khách vay tiền rồi báo lại cho L hoặc T để nhập vào ứng dụng Mecash mở hợp đồng vay tiền mới và cập nhật các thông tin của người vay như: Họ tên, số điện thoại, ngày vay tiền, tài sản thế chấp, ngày trả lãi, ngày đến hạn trả lãi tiếp theo, số tiền lãi đã thu... Chi phí sử dụng phần mềm Mecash là 1.800.000 đồng/năm, T - L thanh toán bằng hình thức chuyển khoản. Hàng ngày, L và T đăng nhập vào Mecash theo dõi thời gian đóng tiền lãi của người vay để trực tiếp hoặc bảo V gọi điện thoại nhắc nhở việc đóng tiền lãi. Đến ngày 27/8/2019, Nguyễn Thế L thực hiện hành vi phạm tội bị Công an thành phố H khởi tố và ra Lệnh tạm giam về hành vi "Giết người", còn T trực tiếp quản lý cửa hàng và tiếp tục thuê Vàng Văn V thực hiện hành vi cho vay tiền với lãi suất cao đến khoảng tháng 12/2019 thì V nghỉ không làm cho T nữa, T tiếp tục thực hiện việc cho vay lãi. Ngày 14/10/2022, Nguyễn Thế L chấp hành án xong và trở về địa phương thì T bàn giao lại tất cả các giấy vay tiền, giấy tờ do khách cầm cố để L quản lý trực tiếp, L và T đã bàn bạc, thống nhất

tiếp tục thu tiền lãi và tiền gốc của những người vay tiền đến ngày 12/12/2022 thì bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Giang phát hiện, bắt giữ.

Quá trình điều tra xác định các bị cáo cho **50** trường hợp người vay tiền với tổng số là **85** hợp đồng. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh và làm việc được với **19** người trực tiếp vay tiền, cụ thể như sau:

⁽¹⁾ **Nguyễn Thị Ngọc A**, sinh năm 1996, trú tại thôn T, xã P, thành phố H, tỉnh Hà Giang, vay 01 lần: Ngày 23/7/2018, vay 10.000.000 đồng lãi suất thỏa thuận là 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, từ ngày 23/7/2018 đến ngày 28/4/2021 là 1010 ngày, đã trả lãi 59.760.000 đồng, tương đương lãi suất năm thực tế là 216% cao gấp 10,8 lần mức lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 5.534.247 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 54.225.753 đồng. Hiện Nguyễn Thị Ngọc A đã trả xong số tiền vay gốc là 10.000.000 đồng.

⁽²⁾ **Long Văn T**, sinh năm 1994, trú tại thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang, vay 04 lần, cụ thể:

- *Lần 1*: Vay 5.000.000 đồng lãi suất thỏa thuận là 7.000 đồng/01 triệu/01 ngày, từ ngày 03/10/2018 đến ngày 31/10/2020 là 759 ngày, đã trả lãi 26.075.000 đồng, tương đương lãi suất năm thực tế là 250,8% cao gấp 12,5 lần mức lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 2.079.452 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 23.995.548 đồng.

- *Lần 2*: Vay 3.000.000 đồng lãi suất thỏa thuận là 7.000 đồng/01 triệu/01 ngày, từ ngày 03/10/2018 đến ngày 27/02/2019 là 147 ngày, đã trả lãi 3.108.000 đồng, tương đương lãi suất năm thực tế là 257,2% cao gấp 12,9 lần mức lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 241.644 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.866.356 đồng.

- *Lần 3*: Vay 3.000.000 đồng lãi suất thỏa thuận là 7.000 đồng/01 triệu/01 ngày, từ ngày 03/10/2018 đến ngày 19/9/2020 là 717 ngày, đã trả lãi 14.348.000 đồng, tương đương lãi suất năm thực tế là 243,5% cao gấp 12,2 lần mức lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 1.178.630 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 13.169.370 đồng.

- *Lần 4*: Vay 3.000.000 đồng lãi suất thỏa thuận là 7.000 đồng/01 triệu/01 ngày, từ ngày 08/4/2019 đến ngày 09/8/2021 là 854 ngày, đã trả lãi 17.955.000 đồng, tương đương lãi suất năm thực tế là 255,8% cao gấp 12,8 lần mức lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 1.403.836 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 16.551.164 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo cho Long Văn T vay thu lãi vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự là 14.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu là 61.486.000 đồng, số tiền lãi được hưởng theo quy định là 4.903.562 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 56.582.438 đồng. Long Văn T đã trả hết số tiền vay gốc 14.000.000 đồng cho Trần Văn T.

⁽³⁾ **Mai Thị H**, sinh năm 1976, trú tại Tổ 01, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang, vay tiền của Trần Văn T và Nguyễn Thế L 01 lần cụ thể: Vay 15.000.000

đồng lãi suất thỏa thuận là 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, từ ngày 13/8/2018 đến ngày 28/4/2021 là 989 ngày, đã trả lãi 88.900.000 đồng, tương đương lãi suất năm thực tế là 218,7% cao gấp 10,9 lần mức lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 8.128.767 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 80.771.233 đồng. Hiện tại Mai Thị H đã trả toàn bộ tiền vay gốc 15.000.000 đồng cho Trần Văn T và Nguyễn Thế L.

⁽⁴⁾ **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1978, trú tại thôn T, xã P, thành phố H, tỉnh Hà Giang, vay tiền của Trần Văn T và Nguyễn Thế L 01 lần cụ thể: Vay 15.000.000 đồng lãi suất thỏa thuận là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, từ ngày 17/4/2021 đến ngày 08/12/2022 là 600 ngày, đã trả lãi 45.075.000 đồng, tương đương lãi suất năm thực tế là 182,8% cao gấp 9,1 lần mức lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 4.931.507 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 40.143.493 đồng. Nguyễn Thị S đã trả toàn bộ tiền vay gốc 15.000.000 đồng cho Trần Văn T và Nguyễn Thế L.

⁽⁵⁾ **Nguyễn Thu T**, sinh năm 1983, trú tại thôn Đ, xã T, huyện B, Thành phố Hà Nội (*tạm trú tại Tổ 12, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang*) vay tiền của Trần Văn T 01 lần cụ thể: Vay 10.000.000 đồng lãi suất thỏa thuận là 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, từ ngày 07/10/2019 đến ngày 16/5/2022 là 952 ngày, đã trả lãi 45.840.000 đồng, tương đương lãi suất năm thực tế là 175,8% cao gấp 8,8 lần mức lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 5.216.438 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 40.623.562 đồng. Nguyễn Thu T đã trả toàn bộ tiền vay gốc 10.000.000 đồng cho Trần Văn T.

⁽⁶⁾ **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1988, trú tại thôn C, xã P, thành phố H, tỉnh Hà Giang vay tiền của Nguyễn Thế L 01 lần cụ thể: Vay 30.000.000 đồng lãi suất thỏa thuận là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, từ ngày 24/7/2018 đến ngày 09/5/2020 là 655 ngày, đã trả lãi 98.400.000 đồng tương đương lãi suất năm thực tế là 182,8% cao gấp 9,1 lần mức lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 10.767.123 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 87.632.877 đồng. Nguyễn Thị N đã trả tiền vay gốc 30.000.000 đồng cho Nguyễn Thế L.

⁽⁷⁾ **Đỗ Mạnh N**, sinh năm 1981, trú tại thôn T, xã N, thành phố H, tỉnh Hà Giang vay tiền của các bị cáo 01 lần cụ thể: Vay 6.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, từ ngày 11/4/2019 đến ngày 04/6/2021 là 785 ngày, đã trả lãi 26.052.000 đồng, tương đương lãi suất năm thực tế là 201,9% cao gấp 10,1 lần mức lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 2.580.822 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 23.471.178 đồng. Đỗ Mạnh N đã trả toàn bộ tiền vay gốc 6.000.000 đồng cho Trần Văn T.

⁽⁸⁾ **Trần Quang T**, sinh năm 1985, trú tại Đội 8, xã D, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ vay tiền của Trần Văn T 01 lần cụ thể: Vay 10.000.000 đồng lãi suất thỏa thuận là 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, từ ngày 24/4/2021 đến ngày 10/11/2022 là 565 ngày, đã trả lãi 34.200.000 đồng, tương đương lãi suất năm thực tế là 220,9% cao gấp 11 lần mức lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 3.095.890 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 31.104.110 đồng. Trần Quang T chưa trả số tiền vay gốc 10.000.000 đồng của Trần Văn T.

⁽⁹⁾ **Trần Đức H**, sinh năm 1989, trú tại thôn C, xã V, huyện V, tỉnh Hà Giang vay tiền của Trần Văn T 01 lần cụ thể: Vay 8.000.000 đồng lãi suất thỏa thuận là 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, từ ngày 12/10/2019 đến ngày 17/11/2022 là 1132 ngày, đã trả lãi 54.524.360 đồng, tương đương lãi suất năm thực tế là 219,8% cao gấp 11 lần mức lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 4.962.192 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 49.562.168 đồng. Trần Đức H chưa trả số tiền vay gốc 8.000.000 đồng của Trần Văn T.

⁽¹⁰⁾ **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1995, trú tại thôn T, xã P, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang, vay 02 lần, cụ thể:

- *Lần 1*: Vay 4.000.000 đồng lãi suất thỏa thuận là 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, từ ngày 06/12/2020 đến ngày 14/4/2022 là 494 ngày, đã trả lãi 19.848.000 đồng, tương đương lãi suất năm thực tế là 366,6% cao gấp 18,3 lần mức lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 1.082.740 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 18.765.260 đồng.

- *Lần 2*: Vay 4.000.000 đồng lãi suất thỏa thuận là 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, từ ngày 23/4/2022 đến ngày 25/9/2022 là 155 ngày, đã trả lãi 3.408.000 đồng, tương đương lãi suất năm thực tế là 200,6% cao gấp 10 lần mức lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 339.726 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 3.068.274 đồng.

Vậy tổng số tiền các bị can cho Nguyễn Văn L vay mà thu lãi vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất định trong Bộ luật Dân sự là 8.000.000 đồng. Tổng số tiền quy lãi đã thu là 23.256.000 đồng, số tiền lãi được hưởng theo quy định là 1.422.466 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 21.833.534 đồng. Nguyễn Văn L đã trả hết số tiền vay gốc 8.000.000 đồng.

⁽¹¹⁾ **Vi Văn T**, sinh năm 1996, trú tại thôn B, xã K, huyện V, tỉnh Hà Giang vay tiền 01 lần, người đứng tên cho vay là Vàng Văn V, trả lãi và gốc cho Trần Văn T, cụ thể: Vay 10.000.000 đồng lãi suất thỏa thuận là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, từ ngày 10/8/2019 đến ngày 23/8/2020 là 379 ngày, đã trả lãi 40.500.000 đồng, tương đương lãi suất năm thực tế là 390% cao gấp 19,5 lần mức lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 2.076.712 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 38.423.288 đồng. Hiện tại, T đã trả xong tiền vay gốc và tiền lãi.

⁽¹²⁾ **Sầm Anh D**, sinh năm 1988, trú tại thôn L, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang, vay 02 lần, cụ thể:

- *Lần 1*: Vay 5.000.000 đồng của Nguyễn Thế L, lãi suất thỏa thuận là 7.000 đồng/01 triệu/01 ngày, từ ngày 22/3/2019 đến ngày 22/02/2020 là 337 ngày, đã trả lãi 11.795.000 đồng, tương đương lãi suất năm thực tế là 255,5% cao gấp 12,8 lần mức lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 923.288 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 10.871.712 đồng.

- *Lần 2*: Ngày 22/02/2020, Sầm Anh D vay thêm của Trần Văn T 5.000.000 đồng + lần vay thứ nhất 5.000.000, đồng vay của Nguyễn Thế L tổng là 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 7.000 đồng/01 triệu/01 ngày, từ ngày

22/02/2020 đến ngày 28/4/2021 là 431 ngày, đã trả lãi 26.831.000 đồng, tương đương lãi suất năm thực tế là 227,2% cao gấp 11,4 lần mức lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 2.361.644 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 24.469.356 đồng.

Tổng số tiền Trần Văn T, Nguyễn Thế L cho Sầm Anh D vay mà thu lãi vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự là 10.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu là 38.626.000 đồng, số tiền lãi được hưởng theo quy định là 3.284.932 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 35.341.068 đồng. Hiện tại, Sầm Anh D còn đang nợ tiền gốc là 10.000.000 đồng.

⁽¹³⁾ **Hoàng Văn T**, sinh năm 1990, trú tại thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang, vay 02 lần, cụ thể:

- *Lần 1*: Vay 5.000.000 đồng của Trần Văn T, lãi suất thỏa thuận là 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, từ ngày 13/8/2018 đến ngày 13/10/2018 là 61 ngày, đã trả lãi 1.860.000 đồng, tương đương lãi suất năm thực tế là 222,6% cao gấp 11,1 lần mức lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 167.123 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.692.877 đồng.

- *Lần 2*: Hoàng Văn T vay thêm của Trần Văn T 5.000.000 đồng cộng với lần vay thứ nhất tổng là 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, từ ngày 13/10/2018 đến ngày 28/4/2021 là 928 ngày, đã trả lãi 55.500.000 đồng, tương đương lãi suất năm thực tế là 218,3% cao gấp 10,9 lần mức lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 5.084.932 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 50.415.068 đồng.

- Đến ngày 28/4/2021, Hoàng Văn T trả tiền gốc cho Trần Văn T 5.000.000 đồng, còn nợ 5.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, từ ngày 28/4/2021 đến ngày 12/7/2022 là 440 ngày, đã trả lãi 18.840.000 đồng, tương đương lãi suất năm thực tế là 312,6% cao gấp 15,6 lần mức lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 1.205.479 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 17.634.521 đồng.

Tổng số tiền Trần Văn T cho Hoàng Văn T vay mà thu lãi vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất định trong Bộ luật Dân sự là 10.000.000 đồng. Tổng số tiền quy lãi đã thu là 76.200.000 đồng, số tiền lãi được hưởng theo quy định là 6.457.534 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 69.742.466 đồng. Hiện tại, Hoàng Văn T đã trả xong toàn bộ tiền gốc và tiền lãi cho Trần Văn T.

⁽¹⁴⁾ **Bùi Thị U**, sinh năm 1980, trú tại Tổ 2, thôn C, xã P, thành phố H, tỉnh Hà Giang, vay 05 lần, trong đó hai lần vay xong trả luôn nên người vay và người cho vay đều không nhớ cụ thể đã trả bao nhiêu tiền lãi, những lần vay còn lại như sau:

- *Lần 1*: Ngày 23/8/2018, vay 5.000.000 đồng của Trần Văn T, lãi suất thỏa thuận là 10.000 đồng/01 triệu/01 ngày, từ ngày 13/8/2018 đến ngày 30/3/2019 là 219 ngày, đã trả lãi 21.400.000 đồng, tương đương lãi suất năm thực tế là 713,3% cao gấp 35,7 lần mức lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 600.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 20.800.000 đồng.

- *Lần 2*: Vay 5.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 80.000 đồng/01 ngày, tương đương lãi suất 16.000 đồng/01 triệu/01 ngày (*tương đương 584%/năm*), từ ngày 21/9/2018 đến ngày 13/10/2018 là 22 ngày, đã trả lãi 3.060.000 đồng, tương đương lãi suất năm thực tế là 1.015,4% cao gấp 50,8 lần mức lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 60.274 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.999.726 đồng.

- *Lần 3*: Vay 6.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 100.000 đồng/01 ngày, tương đương lãi suất 16.700 đồng/01 triệu/01 ngày, từ ngày 27/10/2018 đến ngày 24/10/2019 là 362 ngày, đã trả lãi 36.300.000 đồng, tương đương lãi suất năm thực tế là 610% cao gấp 30,5 lần mức lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 1.190.137 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 35.109.863 đồng.

Tổng số tiền Trần Văn T cho Bùi Thị U vay mà thu lãi vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất định trong Bộ luật Dân sự là 16.000.000 đồng. Tổng số tiền quy lãi đã thu là 60.760.000 đồng, số tiền lãi được hưởng theo quy định là 1.850.411 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 58.909.589 đồng. Hiện tại Bùi Thị U đã trả xong toàn bộ tiền gốc và tiền lãi.

⁽¹⁵⁾ **Lý Thị Thu H**, sinh năm 1980, trú tại thôn B, xã N, thành phố H, tỉnh Hà Giang vay tiền 01 lần, cụ thể: Vay 6.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 7.000 đồng/01 triệu/01 ngày (*tương đương 255,5%/năm*), từ ngày 27/9/2018 đến ngày 07/3/2019 là 161 ngày, đã trả lãi 15.670.000 đồng, tương đương lãi suất năm thực tế là 592,1% cao gấp 29,6 lần mức lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 529.315 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 15.140.685 đồng. Hiện tại Lý Thị Thu H đã trả xong tiền vay gốc và tiền lãi.

⁽¹⁶⁾ **Phan Văn T**, sinh năm 1991, trú tại Tổ 13, thị trấn N huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang (*tạm trú tại Tổ 6, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang*), vay 03 lần, cụ thể:

- *Lần 1*: Vay của Nguyễn Thế L 5.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, từ ngày 10/5/2019 đến ngày 12/7/2019 là 63 ngày, đã trả lãi 12.890.000 đồng, tương đương lãi suất năm thực tế là 1.493,6% cao gấp 74,7 lần mức lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 172.603 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 12.717.397 đồng.

- *Lần 2*: Vay của Trần Văn T 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, từ ngày 26/02/2020 đến ngày 08/4/2021 là 407 ngày, đã trả lãi 27.572.000 đồng, tương đương lãi suất năm thực tế là 247,3% cao gấp 12,4 lần mức lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 2.230.137 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 25.341.863 đồng.

- *Lần 3*: Vay của Trần Văn T 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, từ ngày 01/4/2021 đến ngày 08/5/2022 là 402 ngày, đã trả lãi 23.880.000 đồng, tương đương lãi suất năm thực tế là 216,8% cao gấp 10,8 lần mức lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 2.202.740 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 21.677.260 đồng.

Tổng số tiền Nguyễn Thế L, Trần Văn T cho Phan Văn T vay mà thu lãi vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất định trong Bộ luật Dân sự là 25.000.000 đồng. Tổng số tiền quy lãi đã thu là 64.342.000 đồng, số tiền lãi được hưởng theo quy định là 4.605.479 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 59.736.521 đồng. Hiện tại Phan Văn T đã trả xong toàn bộ tiền gốc và tiền lãi.

⁽¹⁷⁾ **Hoàng Văn L**, sinh năm 1990, trú tại Tổ 02, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang vay tiền 01 lần, cụ thể: Vay 15.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, từ ngày 08/12/2019 đến ngày 28/4/2021 là 507 ngày, đã trả lãi 45.720.000 đồng tương đương lãi suất năm thực tế là 219,4% cao gấp 11 lần mức lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 4.167.123 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 41.552.877 đồng. Hiện tại Hoàng Văn L đã trả xong tiền vay gốc và tiền lãi.

⁽¹⁸⁾ **Hoàng Thị K**, sinh năm 1977, trú tại Tổ 16, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang vay tiền 01 lần, cụ thể: Vay 30.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày, từ ngày 30/6/2018 đến ngày 13/11/2022 là 1.597 ngày, đã trả lãi 134.350.000 đồng, tương đương lãi suất năm thực tế là 102,4% cao gấp 5,1 lần mức lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 26.252.055 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 108.097.945 đồng. Hiện tại Hoàng Thị K còn đang nợ 30.000.000 đồng tiền vay gốc.

⁽¹⁹⁾ **Hoàng Thị V**, sinh năm 1996, trú tại thôn N, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang (*noi ở hiện nay tại tổ 5, phường T, thị trấn X, huyện C, Thành phố Hà Nội*) vay tiền 01 lần, cụ thể: Vay 3.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 6.000 đồng/01 triệu/01 ngày, từ ngày 04/10/2018 đến ngày 14/02/2020 là 498 ngày, đã trả lãi 8.920.000 đồng, tương đương lãi suất năm thực tế là 217,9% cao gấp 10,9 lần mức lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi được hưởng theo quy định là 818.630 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 8.101.370 đồng. Hiện tại, Hoàng Thị V đã trả xong toàn bộ tiền vay gốc và tiền lãi.

Quá trình điều tra xác định, tổng số tiền các bị cáo đã cho **19** người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan đến vụ án vay là **251.000.000 đồng**, tổng số tiền tiền lãi đã thu là **1.022.581.360 đồng**; trong đó tổng số tiền được hưởng theo quy định của Bộ luật Dân sự là **101.585.205 đồng**, tổng số tiền thu lợi bất chính vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự là **920.996.155 đồng**.

Cáo trạng số 07/CT-VKS-P1 ngày 29/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã truy tố các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Thế L, Vàng Văn V về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Thế L, Vàng Văn V xác nhận toàn bộ diễn biến hành vi các bị cáo thực hiện như nội dung cáo trạng đã nêu là đúng, không có ý kiến bổ sung thêm; động cơ mục đích các bị cáo thực hiện hành vi "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" là để nhằm thu lợi bất chính; các bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, sau khi sự

việc xảy ra các bị cáo đã rất ân hận về lỗi lầm của mình đã thực hiện, do đó các bị cáo đã gặp gỡ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để trả lại tiền thu lợi bất chính cho 13/19 người; bị cáo L tự nguyện nộp số tiền 10.000.000 đồng không liên quan đến vụ án để khắc phục hậu quả; đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo ở mức thấp nhất.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, có mặt tại phiên toà trình bày: Việc vay tiền của các bị cáo T, L và thoả thuận lãi suất là do tự nguyện; quá trình vay tiền và trả tiền lãi cho các bị cáo tự thoả thuận với nhau, không bị ép buộc hoặc bị đánh đập; các bị cáo đã tạo điều kiện cho người vay khi gặp khó khăn cần đến tiền. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Quang T xác nhận chưa trả tiền gốc là 10.000.000 đồng cho các bị cáo T, L, nhưng đã nhận đủ số tiền lãi là 31.104.110 đồng; chị Nguyễn Thị Ngọc A xác nhận đã trả tiền gốc vay 10.000.000 đồng và đã nhận đủ số tiền lãi 54.225.753 đồng; anh Sầm Anh D xác nhận chưa trả tiền gốc 10.000.000 đồng cho các bị cáo nhưng đã nhận đủ số tiền lãi do các bị cáo T, L trả là 35.341.068 đồng; anh Phan Văn T xác nhận đã trả đủ tiền gốc vay 25.000.000 đồng cho các bị cáo và đã nhận đủ số tiền lãi 59.736.521 đồng do các bị cáo T, L trả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà đưa ra các chứng cứ tài liệu luận tội các bị cáo, phân tích về tính chất vụ án, động cơ, mức độ, vai trò thực hiện hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo; giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị HĐXX:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Thế L, Vàng Văn V phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 07 tháng đến 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 16 tháng; giao bị cáo T cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục.

- Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thế L từ 07 tháng đến 08 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 12/12/2022.

- Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Vàng Văn V từ 06 tháng đến 07 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 08/3/2022.

- Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình; phạt tiền đối với các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Thế L mỗi bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng. Cấm các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Thế L hành nghề dịch vụ cầm đồ từ 01 năm đến 02 năm.

3. Về biện pháp tư pháp:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với khoản tiền các bị cáo dùng để cho vay số tiền **251.000.000** đồng, trong đó: Tịch thu của 04 người vay chưa trả tiền gốc cho các bị cáo số tiền 58.000.000 đồng (Trần Quang T số tiền 10.000.000 đồng, Trần Đức H 8.000.000 đồng, Sầm Anh D 10.000.000 đồng, Hoàng Thị K 30.000.000 đồng); bị cáo T số tiền là 96.500.000 đồng, bị cáo L số tiền là 86.500.000 đồng.

- Tịch thu tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà các bị cáo T, L đã thu của người vay số tiền **101.585.205** đồng, mỗi bị cáo bằng $\frac{1}{2}$ số tiền là 50.792.602 đồng.

- Trả lại cho người vay tiền thu lợi bất chính mà các bị cáo thực tế đã thu của 06 người vay số tiền là **340.763.288 đồng** bao gồm: ⁽¹⁾Mai Thị H số tiền 80.771.233 đồng; ⁽²⁾Hoàng Văn T 69.742.466 đồng; ⁽³⁾Bùi Thị U 58.909.589 đồng; ⁽⁴⁾Lý Thị Thu H 15.140.685 đồng; ⁽⁵⁾ Hoàng Thị K 108.097.945 đồng; ⁽⁶⁾Hoàng Thị V 8.101.370 đồng.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền Việt Nam 10.000.000 đồng đã chuyển vào tài khoản của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang; 02 chiếc điện thoại di động;

- Trả lại cho bị cáo Trần Văn T 01 chiếc Ipad;

- Trả lại cho bị cáo Trần Văn T các vật chứng sau để bị cáo T có trách nhiệm trả cho các chủ sở hữu: 01 Giấy CMND số 073239338 mang tên Lưu Thị T; 01 Giấy phép lái xe số AV067728 mang tên Lưu Thị T; 01 Giấy CMND số 073432704 mang tên Hoàng Thị V; 01 Giấy CMND số 073324564 mang tên Hoàng Văn L; 01 Giấy CMND số 073475135 mang tên Nguyễn Văn T; 01 Giấy CMND số 073584161 mang Vương Hữu M; 01 Giấy CMND số 073245864 mang tên Nguyễn Văn Đ; 01 Giấy CMND số 073272136 mang tên Nông Văn A; 01 Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 022936 mang tên Phùng Văn T; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 010382 mang tên Nguyễn Văn K; 01 Giấy phép lái xe số 021062000454 mang tên Bùi Thị U.

- Tịch thu tiêu hủy: 03 quyển sổ tay.

- Tiếp tục thực hiện Lệnh phong tỏa tài khoản của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hà Giang đối với tài khoản của bị cáo L, T để đảm bảo công tác thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH; mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Phản tranh luận: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, nhất trí với quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không tranh luận.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo nhận thức rõ hành vi phạm tội, rất ăn năn hối cải và đề nghị HĐXX xem xét cho hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo; HĐXX xét thấy những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có lời khai có trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt không làm ảnh hưởng đến giải quyết vụ án; căn cứ Điều 292, Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự, HĐXX thảo luận và quyết định vẫn tiếp tục tiến hành xét xử.

[3] Về tội danh, định khung hình phạt: Lời khai của các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Thế L, Vàng Văn V trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa thống nhất, không có mâu thuẫn, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản khám xét, Biên bản làm việc trích xuất dữ liệu, Biên bản giải trình các tài liệu trích xuất từ phần mềm Mecash; biểu tính lãi suất và tiền thu lợi bất chính; biên bản kiểm tra giải trình nội dung điện thoại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở kết luận:

[4] Khoảng tháng 7/2018 đến ngày 12/12/2022, các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Thế L, Vàng Văn V đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với 19 người vay tiền với lãi suất thỏa thuận từ 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày đến 16.700 đồng/01 triệu/01 ngày tương đương với lãi suất từ 182,5% đến 365%/năm, lãi suất thực tế các bị cáo đã thu của những người vay tương đương 102,4% - 1.494%, gấp từ 5,1 lần đến 74,7 lần so với mức lãi suất quy định trong Bộ luật Dân sự gồm: ⁽¹⁾Nguyễn Thị Ngọc A số tiền là 10.000.000đồng, ⁽²⁾Long Văn T 14.000.000 đồng, ⁽³⁾Nguyễn Thị S 15.000.000 đồng, ⁽⁴⁾Nguyễn Thu T 10.000.000 đồng, ⁽⁵⁾Nguyễn Thị N 30.000.000 đồng, ⁽⁶⁾Đỗ Mạnh N 6.000.000 đồng, ⁽⁷⁾Trần Quang T 10.000.000 đồng, ⁽⁸⁾Trần Đức H 8.000.000 đồng, ⁽⁹⁾Nguyễn Văn L 8.000.000 đồng, ⁽¹⁰⁾Vi Văn T 10.000.000 đồng, ⁽¹¹⁾Sầm Anh D 10.000.000 đồng, ⁽¹²⁾Phan Văn T là 25.000.000 đồng, ⁽¹³⁾Hoàng Văn L 15.000.000 đồng, ⁽¹⁴⁾Mai Thị H 15.000.000 đồng, ⁽¹⁵⁾Hoàng Văn T 10.000.000 đồng, ⁽¹⁶⁾Bùi Thị U 16.000.000 đồng, ⁽¹⁷⁾Lý Thị Thu H 6.000.000 đồng, ⁽¹⁸⁾Hoàng Thị K 30.000.000 đồng, ⁽¹⁹⁾Hoàng Thị V 3.000.000 đồng. Khi các bị cáo cho vay tiền đã giữ lại giấy tờ tùy thân và yêu cầu người vay tiền viết giấy vay tiền nhưng không thể hiện lãi suất để tránh sự phát hiện của Cơ quan chức năng. Quá trình thực hiện hành vi cho vay để thuận tiện trong việc quản lý và theo dõi, các bị cáo sử dụng phần mềm ứng

dụng Mecash trực tuyến trên mạng internet thông qua điện thoại có kết nối mạng internet và thuê bị cáo Vàng Văn V trực tiếp trông coi cửa hàng, trực tiếp cho khách làm các thủ tục vay tiền, đứng tên trên giấy vay tiền khi T và L đi vắng, gọi điện nhắc đến hạn và đi thu lãi của người vay theo sự chỉ đạo của T và L với tiền công là 3.000.000 đồng/tháng, đến khoảng tháng 12/2019 thì V nghỉ không làm cho T nữa. Tổng số tiền gốc các bị cáo đã cho 19 người vay là **251.000.000 đồng**, tổng số tiền lãi các bị cáo đã thu của 19 người vay là **1.022.581.360 đồng**; trong đó số tiền lãi được hưởng theo quy định của Bộ luật Dân sự là **101.585.205 đồng**, số tiền thu lợi bất chính là **920.996.155 đồng**.

[5] Các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Thế L, Vàng Văn V là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hiểu biết về pháp luật, nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật; song vì động cơ vụ lợi, nhằm thu lợi bất chính, các bị cáo bất chấp pháp luật, đã cho 19 cá nhân vay với số tiền gốc là **251.000.000 đồng**, với mức lãi suất cao vượt quá 05 lần quy định của Bộ luật Dân sự và đã thu lợi bất chính số tiền là **920.996.155 đồng**. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quy định của Nhà nước về quản lý các hoạt động tín dụng, tài chính ngân hàng, kinh doanh tiền tệ được pháp luật bảo vệ, xâm phạm lợi ích của công dân; gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Như vậy, có đủ căn cứ để khẳng định: Các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Thế L, Vàng Văn V đã phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự, với tình tiết định khung tăng nặng hình phạt "*Thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên*", có khung hình phạt bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Tội phạm các bị cáo thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

[6] Vai trò của các bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội: Bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Thế L đã cùng nhau bàn bạc, góp vốn mỗi người 150.000.000 đồng để cùng thực hiện hành vi phạm tội, động cơ, mục đích nhằm thu lợi bất chính. Bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội trong suốt thời gian dài và liên tục từ tháng 7 năm 2018 đến ngày 12/12/2022, được xác định là người thực hành tích cực nhất. Bị cáo L thực hiện hành vi phạm tội cùng với bị cáo T từ tháng 7 năm 2018 đến ngày 27/8/2019; sau khi chấp hành xong bản án, bị cáo tiếp tục thực hiện từ ngày 15/10/2022 đến ngày 12/12/2022, tuy nhiên trong thời gian này, bị cáo mới chỉ thực hiện việc xem xét theo dõi thu lãi quá trình T thực hiện trong thời gian bị cáo đi chấp hành án, được xác định là người thực hành tích cực thứ hai. Bị cáo V là người được T, L thuê trả lương theo tháng, có nhiệm vụ trông coi quán cầm đồ; khi khách đến nộp tiền lãi thì cầm hộ và đưa cho L, T; ngoài ra khi khách không đến quán thì L, T đưa điện thoại cho V để V liên hệ với người vay và tìm địa chỉ để thu tiền lãi về đưa vào két cất cho L, T (nếu L, T vắng mặt), nếu có ở nhà thì V đưa tiền mặt cho L, T; tham gia thực hiện hành vi phạm tội đến tháng 12 năm 2019, được xác định với vai trò đồng phạm giúp bị cáo T và bị cáo L. HĐXX cân nhắc, xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo để quyết định hình phạt phù hợp đối với từng bị cáo. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, cần áp dụng khoản 1 Điều 17, Điều 58, Điều 50 của Bộ luật Hình

sự về quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm và căn cứ quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[7] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Thế L, Vàng Văn V thực hiện hành vi phạm tội trong thời gian dài, có nhiều lần các bị cáo cho vay tiền thu lợi bất chính trên 30.000.000 đồng và việc thực hiện hành vi phạm tội diễn ra liên tục, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do đó, các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[8] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo T, L, V thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra cung cấp các thông tin, dữ liệu, mật khẩu liên quan đến hoạt động phạm tội, góp phần nhanh chóng chứng minh hành vi phạm tội; là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Thế L có ý kiến tự nguyện nộp lại số tiền 10.000.000 đồng là tiền của cá nhân bị thu giữ khi bị bắt để đảm bảo việc thi hành án và để khắc phục một phần giá trị tiền liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội của bị cáo, nên được áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo L, V là người dân tộc thiểu số; quá trình điều tra, bị cáo T cùng với đại diện gia đình bị cáo L đã tự nguyện hoàn trả lại cho 13/19 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án số tiền thu lợi bất chính là **580.232.867** đồng, cụ thể: ⁽¹⁾Nguyễn Thị Ngọc A 54.255.753 đồng, ⁽²⁾Long Văn T 56.582.438 đồng, ⁽³⁾Nguyễn Thị S, 40.143.493 đồng, ⁽⁴⁾Nguyễn Thu T 40.623.562 đồng, ⁽⁵⁾Nguyễn Thị N 87.632.877 đồng, ⁽⁶⁾Đỗ Mạnh N 23.471.178 đồng, ⁽⁷⁾Trần Quang T 31.104.110 đồng, ⁽⁸⁾Trần Đức H 49.562.168 đồng, ⁽⁹⁾Nguyễn Văn L 21.833.534 đồng, ⁽¹⁰⁾Vĩ Văn T 38.423.288 đồng, ⁽¹¹⁾Sầm Anh D 35.341.068 đồng, ⁽¹²⁾Phan Văn T 59.736.520 đồng, ⁽¹³⁾Hoàng Văn L 41.552.877 đồng; là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[9] Về hình phạt chính:

[10] Bị cáo L có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; về nhân thân, đã 04 lần bị xử phạt vi phạm hành chính, 02 lần bị kết án (TAND thành phố H xử phạt 5.000.000 đồng về tội Đánh bạc, TAND tỉnh Hà Giang xử phạt 04 năm tù về tội Giết người); do đó, HĐXX áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự về tù có thời hạn, xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội để cải tạo giáo dục bị cáo thành công dân lương thiện và có ích cho gia đình và xã hội.

[11] Bị cáo Vàng Văn V, có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; về nhân thân, từ ngày 14/4/2019 đến ngày 11/8/2022 đã có 04 lần bị xử phạt vi phạm hành chính về các hành vi Cố ý gây thương tích; tàng trữ, cất giấu đồ vật, phương tiện nhằm mục đích gây rối trật tự công cộng, cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác; HĐXX áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự về tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội để cải tạo giáo dục bị cáo thành công dân lương thiện và có ích cho gia đình và xã hội; tuy nhiên xử phạt bị cáo mức hình phạt nhẹ hơn các bị cáo L, T.

[12] Bị cáo Trần Văn T có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt; tuy bị cáo phạm tội từ hai lần trở lên nhưng các lần phạm tội đều thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tại phiên toà bị cáo xin hứa quyết tâm sửa chữa lỗi lầm của mình đã gây ra; bị cáo đã bị tạm giam gần 03 tháng, đủ thời gian bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình; đối chiếu với quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, thì bị cáo T có đủ điều kiện; nên HĐXX xử phạt bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách để bị cáo tự cải tạo tại địa phương và gia đình, không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, mà tu dưỡng rèn luyện bản thân, sống có ích cho gia đình và xã hội trong thời gian thử thách.

[13] Hình phạt bổ sung: Tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 1 năm đến 5 năm". Xét thấy, đối với các bị cáo L, T thực hiện hành vi phạm tội với động cơ, mục đích nhằm thu lợi bất chính; cần áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo và cấm các bị cáo làm công việc kinh doanh dịch vụ Cầm đồ với thời hạn nhất định. Bị cáo V là người làm thuê, nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo V.

[14] Về áp dụng biện pháp ngăn chặn: Căn cứ Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự, quyết định tạm giam đối với các bị cáo Nguyễn Thế L, Vàng Văn V, với thời hạn là 45 ngày kể từ ngày tuyên án.

[15] Về xử lý vật, tiền liên quan đến tội phạm: Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn xét xử về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 201 của Bộ luật Hình sự như sau:

[15.1] Tịch thu sung ngân sách Nhà nước đối với khoản tiền các bị cáo dùng để cho vay số tiền **251.000.000** đồng, trong đó: Có 04 người vay chưa trả tiền gốc cho các bị cáo số tiền là 58.000.000 đồng (Trần Quang T số tiền 10.000.000 đồng, Trần Đức H 8.000.000 đồng, Sầm Anh D 10.000.000 đồng, Hoàng Thị K 30.000.000 đồng) cần tịch thu đối với 04 người vay trên; số tiền còn lại phải tịch thu đối với các bị cáo là 251.000.000 đồng - 58.000.000 đồng = 193.000.000 đồng; số tiền này bị cáo L và T quản lý, nên tịch thu đối với mỗi bị cáo số tiền là 96.500.000 đồng. Bị cáo L tự nguyện nộp số tiền bị thu giữ 10.000.000 đồng, nên cần trừ cho bị cáo, số tiền còn lại bị cáo L bị tịch thu là 86.500.000 đồng.

[15.2] Tịch thu tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà các bị cáo đã thu của người vay số tiền **101.585.205 đồng**, số tiền này các bị cáo L, T quản lý nên cần tịch thu đối với các bị cáo mỗi người bằng $\frac{1}{2}$ số tiền là 50.792.602 đồng.

[15.3] Trả lại cho người vay tiền thu lợi bất chính mà các bị cáo thực tế đã thu nhưng chưa trả của 06 người vay số tiền là **340.763.288 đồng** bao gồm: ⁽¹⁾Mai Thị H 80.771.233 đồng; ⁽²⁾Hoàng Văn T 69.742.466 đồng; ⁽³⁾Bùi Thị U 58.909.589 đồng; ⁽⁴⁾Lý Thị Thu H 15.140.685 đồng; ⁽⁵⁾ Hoàng Thị K 108.097.945 đồng; ⁽⁶⁾Hoàng Thị V 8.101.370 đồng. Số tiền này các bị cáo L, T quản lý nên cần buộc các bị cáo mỗi người phải trả ½ số tiền trên cho 06 người vay. Tại phiên tòa các bị cáo tự thỏa thuận bị cáo L có trách nhiệm trả cho bà Bùi Thị U số tiền 58.909.589 đồng, bà Hoàng Thị K số tiền 108.097.945 đồng, tổng cộng là **167.007.534.000 đồng**; bị cáo T có trách nhiệm trả cho bà Mai Thị H số tiền 80.771.233 đồng, anh Hoàng Văn T số tiền 69.742.466 đồng, bà Lý Thị Thu H số tiền 15.140.685 đồng, chị Hoàng Thị V số tiền 8.101.370 đồng, tổng cộng số tiền là **173.755.754 đồng**. Cần ghi nhận sự tự thỏa thuận của các bị cáo.

[16] Xử lý vật chứng đã chuyển Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang; căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý như sau:

[16.1] Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 10.000.000 đồng thu giữ của bị cáo L, đã chuyển vào tài khoản của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang; 02 chiếc điện thoại di động thu giữ của các bị cáo L, T các bị cáo sử dụng vào thực hiện hành vi phạm tội. Tịch thu tiêu hủy các vật chứng khác không có giá trị sử dụng là 03 quyển sổ tay. Đối với 01 chiếc Ipad, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Lenovo, đã cũ, đã qua sử dụng, không bật được nguồn không kiểm tra được tình trạng hoạt động bên trong thu giữ của Trần Văn T, xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T khai chiếc Ipad bị cáo sử dụng để chơi điện tử, không liên quan đến hành vi phạm tội, không sử dụng vào mục đích phạm tội; cần tuyên trả lại cho bị cáo Tâm.

[16.2] Các vật chứng cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo L, đây là những giấy tờ bị cáo T đã giao lại cho bị cáo L, khi bị cáo L chấp hành án trở về; cần tuyên trả lại cho bị cáo T để bị cáo T có trách nhiệm trả lại chủ sở hữu, gồm: 01 Giấy CMND số 073239338 mang tên Lưu Thị T; 01 Giấy phép lái xe số AV067728 mang tên Lưu Thị T; 01 Giấy CMND số 073432704 mang tên Hoàng Thị V; 01 Giấy CMND số 073324564 mang tên Hoàng Văn L; 01 Giấy CMND số 073475135 mang tên Nguyễn Văn T; 01 Giấy CMND số 073584161 mang Vương Hữu M; 01 Giấy CMND số 073245864 mang tên Nguyễn Văn Đ; 01 Giấy CMND số 073272136 mang tên Nông Văn A; 01 Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 022936 mang tên Phùng Văn T; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 010382 mang tên Nguyễn Văn K; 01 Giấy phép lái xe số 021062000454 mang tên Bùi Thị U.

[17] Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thực hiện phong tỏa tài khoản đối với Trần Văn T, số tài khoản 8200205181302 tại Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn tỉnh Hà Giang, số tiền trong tài khoản là 5.044.459 đồng; tài khoản của bị cáo Nguyễn Thế L số tài khoản 8200205219412 tại Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn tỉnh Hà Giang, số tiền trong tài khoản là 778.923 đồng; theo các Lệnh số 29/LPT-CSHS và số 30/LPT-CSHS ngày 13/12/2022 của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà

Giang. Cần tiếp tục thực hiện Lệnh phong tỏa tài khoản của các bị cáo để đảm bảo công tác Thi hành án dân sự.

[18] Các nội dung khác có liên quan đến vụ án:

[18.1] Trong vụ án này, đối với người vay tiền cụ thể như sau: Nguyễn Thị M, sinh năm 1987, trú tại thôn N, thị trấn Y, huyện B, tỉnh Hà Giang, khai nhận tháng 8/2017, M đứng tên vay 30.000.000 đồng hộ Vũ Đức T nhà ở tỉnh Phú Thọ (*không biết địa chỉ chính xác*), việc trả tiền lãi do T, hiện nay T đã bỏ đi và không còn liên lạc được. Do đó, không có căn cứ xem xét đối với số tiền mà các bị cáo đã cho Vũ Đức T vay.

[18.2] Đối với 18 trường hợp người vay gồm:⁽¹⁾ Nguyễn Thị S, sinh năm 1973, trú tại thôn L, xã P, thành phố H, tỉnh Hà Giang;⁽²⁾ Hoàng Văn H, sinh năm 1980, trú tại thôn Y, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang ;⁽³⁾ Lưu Thị T, sinh năm 1990, trú tại xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang;⁽⁴⁾ Nông Văn A, sinh năm 1991, trú tại thôn L, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Giang; ⁽⁵⁾ Nguyễn Xuân D, sinh năm 1986, trú tại thôn T, xã P, thành phố H, tỉnh Hà Giang;⁽⁶⁾ Nguyễn Anh T, sinh năm 1984, trú tại phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang ⁽⁷⁾ Phan Ngọc M, sinh năm 1986, trú tại thôn M, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang;⁽⁸⁾ Lê Anh K, sinh năm 1977, trú tại Tổ 6, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang;⁽⁹⁾ Đỗ Trung K, sinh năm 1984, trú tại phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang;⁽¹⁰⁾ Nông Văn C, sinh năm 1990, trú tại thôn B, xã N, thành phố H, tỉnh Hà Giang;⁽¹¹⁾ Lê Đình D, sinh năm 1986, trú tại Tổ 17, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang.⁽¹²⁾ Nguyễn Thị T, sinh năm 1990, trú tại xã P, thành phố H, tỉnh Hà Giang;⁽¹³⁾ Lù Thìn Q, sinh năm 1992, trú tại xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang.⁽¹⁴⁾ Lê Tiến A, sinh năm 1986, trú tại thị trấn N, huyện V, tỉnh Hà Giang; ⁽¹⁵⁾ Vương Hữu M, sinh năm 2001, trú tại thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang;⁽¹⁶⁾ Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1992, trú tại xã P, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang ; ⁽¹⁷⁾ Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1984, trú tại Tổ 14, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang. ⁽¹⁸⁾ Trần Văn H, sinh năm 1981, trú tại thôn C, xã P, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Cơ quan điều tra đã nhiều lần xác minh, triệu tập để làm việc; tuy nhiên những người vay tiền này hiện tại đều không có mặt tại địa phương, không biết đi đâu làm gì nên không có căn cứ xem xét trách nhiệm đối với các bị cáo về số tiền cho vay đối với 18 người trên.

[18.3] Một số người vay không rõ địa chỉ gồm: ⁽¹⁾ *Hậu lol*; ⁽²⁾ *Tiến oanh*; ⁽³⁾ *Bảo Thế Anh*, ⁽⁴⁾ *Thái nát*, ⁽⁵⁾ *quang lh*, ⁽⁶⁾ *Nhuận*, ⁽⁷⁾ Ngô Duy Tân khi cho vay tiền Trần Văn T, Nguyễn Thế L chỉ ghi tên, không ghi chi tiết họ và tên, địa chỉ nơi cư trú, số điện thoại do thời gian vay tiền đã lâu và những người vay tiền đều đã thanh toán hết tiền gốc, lãi nên các bị cáo không nhớ được tên, địa chỉ cụ thể; Cơ quan điều tra không thể tiến hành xác minh làm rõ được nên không có căn cứ xem xét trách nhiệm đối với các bị cáo về số tiền cho vay đối với những người trên.

[18.4] Đối với những người vay tiền gồm: ⁽¹⁾ Hiếu Vinh T, ⁽²⁾ Đức Thanh H, ⁽³⁾ Mạnh VX, ⁽⁴⁾ Anh T. Quá trình điều tra các bị can Trần Văn T và Nguyễn Thế L đều khẳng định những người vay tiền này đều là bạn bè nên chỉ cho vay tiền với lãi suất từ 1.000 đồng - 2.000 đồng/01 triệu/01 ngày (*tương đương lãi suất năm từ*

36,5% - 73%/năm) nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý trong vụ án này là đúng quy định.

[19] Từ những nhận định nêu trên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Thế L, Vàng Văn V về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội; nội dung luận tội và ý kiến, quan điểm về tội danh, áp dụng điều luật, biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận. Tuy nhiên, về đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Văn T không được HĐXX chấp nhận.

[20] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[21] Quyền kháng cáo: Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thế L, Trần Văn T, Vàng Văn V phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Nguyễn Thế L 07 (Bảy)** tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 12/12/2022.

- Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Vàng Văn V 06 (Sáu)** tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 08/3/2022.

- Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Trần Văn T 08 (Tám)** tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Văn T cho Ủy ban nhân dân xã P, thành phố H, tỉnh Hà Giang để giám sát, giáo dục bị cáo. Gia đình bị cáo T có trách nhiệm phối hợp cùng với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự. Người được hưởng án treo có thể bị Tòa án buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án

treo nếu đang trong thời gian thử thách mà cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên.

- Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự;

+ Phạt tiền đối với các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Thế L mỗi bị cáo số tiền là 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*).

+ Cấm bị cáo Nguyễn Thế L thực hiện hành nghề dịch vụ cầm đồ thời hạn **01 (Một)** năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù. Cấm bị cáo Trần Văn T, thực hiện hành nghề dịch vụ cầm đồ thời hạn **01(Một)** năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về xử lý vật, tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm

Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

3.1. Buộc các bị cáo Nguyễn Thế L, Trần Văn T có trách nhiệm hoàn trả lại tiền thu lợi bất chính mà các bị cáo thực tế đã thu nhưng chưa trả cho 06 người vay số tiền là **340.763.288 đồng**, trong đó: bị cáo Nguyễn Thế L có trách nhiệm trả cho 02 người tổng cộng số tiền là **167.007.534 đồng**; bị cáo Trần Văn T có trách nhiệm trả cho 04 người, tổng cộng số tiền là **173.755.754 đồng**, cụ thể:

- Bị cáo Nguyễn Thế L có trách nhiệm hoàn trả số tiền 58.909.589 đồng (*Năm mươi tám triệu, chín trăm linh chín nghìn, năm trăm tám mươi chín đồng*) cho bà Bùi Thị U; địa chỉ: Thôn C, xã P, thành phố H, tỉnh Hà Giang;

- Bị cáo Nguyễn Thế L có trách nhiệm hoàn trả số tiền 108.097.945 đồng (*Một trăm linh tám triệu, không trăm chín mươi bảy nghìn, chín trăm bốn mươi lăm đồng*) cho bà Hoàng Thị K; địa chỉ: Tổ 16, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Bị cáo Trần Văn T có trách nhiệm hoàn trả số tiền 80.771.233 đồng (*Tám mươi triệu, bảy trăm bảy mươi mốt nghìn, hai trăm ba mươi ba đồng*) cho bà Mai Thị H; địa chỉ: Tổ 01, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang;

- Bị cáo Trần Văn T có trách nhiệm hoàn trả số tiền 69.742.466 đồng (*Sáu mươi chín triệu, bảy trăm bốn mươi hai nghìn, bốn trăm sáu mươi sáu đồng*) cho anh Hoàng Văn T; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang;

- Bị cáo Trần Văn T có trách nhiệm hoàn trả số tiền 15.140.685 đồng cho bà Lý Thị Thu H; địa chỉ: Thôn Bản T, xã Ngọc Đ, thành phố H, tỉnh Hà Giang;

- Bị cáo Trần Văn T có trách nhiệm hoàn trả số tiền 8.101.370 đồng cho chị Hoàng Thị V; địa chỉ: Số 104, tổ 05, phường T, huyện C Thành phố Hà Nội.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3.2. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước đối với số tiền các bị cáo dùng để cho vay lãi nặng là **241.000.000** đồng, trong đó:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 96.500.000 đồng (*Chín mươi sáu triệu, năm trăm nghìn đồng*) đối với bị cáo Trần Văn T.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 86.500.000 đồng (*Tám mươi sáu triệu, năm trăm nghìn đồng*) đối với bị cáo Nguyễn Thế L.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) đối với anh Trần Quang T; địa chỉ: Đội 8, xã B, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ;

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*) đối với anh Trần Đức H; địa chỉ: Thôn C, xã V, huyện V, tỉnh Hà Giang;

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) đối với anh Sầm Anh D; địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang;

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) đối với bà Hoàng Thị K; địa chỉ: Tổ 16, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

3.3. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà các bị cáo đã thu của người vay số tiền **101.585.205** đồng, trong đó:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 50.792.602 đồng (*Năm mươi triệu, bảy trăm chín mươi hai nghìn, sáu trăm linh hai đồng*) đối với bị cáo Trần Văn T.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền là 50.792.602 đồng (*Năm mươi triệu, bảy trăm chín mươi hai nghìn, sáu trăm linh hai đồng*) đối với bị cáo Nguyễn Thế L.

4. Xử lý vật chứng thu giữ chuyển sang Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý như sau:

4.1. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:

- Số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) thu giữ của bị cáo Nguyễn Thế L, đã chuyển vào tài khoản của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang;

- 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy A12, màu đen, màn hình có nhiều vết nứt, sứt, điện thoại cũ, đã qua sử dụng, không bật được nguồn không kiểm tra được tình trạng hoạt động bên trong điện thoại (điện thoại của Trần Văn T);

- 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu iphone X, màu đen, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không bật được nguồn không kiểm tra được tình trạng hoạt động bên trong điện thoại (điện thoại của Nguyễn Thế L).

4.2. Tịch thu tiêu hủy các vật chứng khác không có giá trị sử dụng, cụ thể:

- 01 quyển sổ tay bìa cứng màu xanh, bên trong có nhiều trang ghi nhiều chữ và số;

- 01 quyển sổ tay bìa cứng màu hồng, bên trong có nhiều trang ghi nhiều chữ và số;

- 01 quyển sổ tay bìa cứng màu đen, bên trong có nhiều trang ghi nhiều chữ và số của Trần Văn T.

4.3. Tuyên trả lại vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội:

- Trả lại cho bị cáo Trần Văn T 01 chiếc Ipad, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Lenovo, đã cũ, đã qua sử dụng, không bật được nguồn không kiểm tra được tình trạng hoạt động bên trong (thu giữ của Trần Văn T).

- Trả lại cho bị cáo Trần Văn T các vật chứng sau:

+ 01 Giấy CMND số 073239338 mang tên Lưu Thị T;

+ 01 Giấy phép lái xe số AV067728 mang tên Lưu Thị T;

+ 01 Giấy CMND số 073432704 mang tên Hoàng Thị V;

+ 01 Giấy CMND số 073324564 mang tên Hoàng Văn L;

+ 01 Giấy CMND số 073475135 mang tên Nguyễn Văn T;

+ 01 Giấy CMND số 073584161 mang tên Vương Hữu M;

+ 01 Giấy CMND số 073245864 mang tên Nguyễn Văn Đ;

+ 01 Giấy CMND số 073272136 mang tên Nông Văn A;

+ 01 Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 022936 mang tên Phùng Văn T;

+ 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 010382 mang tên Nguyễn Văn K;

+ 01 Giấy phép lái xe số 021062000454 mang tên Bùi Thị U.

Đặc điểm, tình trạng các vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/3/2023 giữa Công an tỉnh Hà Giang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang.

5. Phong toả tài khoản: Tiếp tục thực hiện Lệnh phong toả tài khoản của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Giang đối với các bị cáo để đảm bảo công tác thi hành án dân sự, cụ thể:

- Phong toả số tài khoản 8200205181302, Chủ tài khoản Trần Văn T, tại Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn tỉnh Hà Giang, số tiền trong tài khoản là 5.044.459 đồng (*Năm triệu, không trăm bốn mươi bốn nghìn, bốn trăm năm mươi chín đồng*) theo Lệnh phong toả tài khoản số 29/LPT-CSHS ngày 13/12/2022 của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Giang;

- Phong toả số tài khoản 8200205219412, Chủ tài khoản Nguyễn Thế L tại Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn tỉnh Hà Giang, số tiền trong tài khoản là 778.923 đồng (*Bảy trăm bảy mươi tám nghìn, chín trăm hai mươi ba đồng*) theo Lệnh phong toả tài khoản số 30/LPT-CSHS ngày 13/12/2022 của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Giang.

6. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Thế L, Vàng Văn V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

7. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- PC01, PC02, PC10 Công an tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV&THA – TAND tỉnh;
- Bộ phận HCTP – VPTAND tỉnh;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Loan